



SO SÁNH CÁC CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THỊ TRƯỜNG : NHỮNG ĐIỀU GỢI MỞ TỪ KINH NGHIỆM CỦA HUNGARI ĐỐI VỚI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

CHRIS HANN

LTS. Bài viết: “So sánh các chủ nghĩa xã hội thị trường: Những điều gợi mở từ kinh nghiệm của Hungari đối với Việt Nam đương đại” của Giáo sư Chris Hann, Viện trưởng Viện Nhân học xã hội thuộc Viện Max Planck (Cộng hòa Liên bang Đức) là một thảo luận mở rộng hơn cho kết quả nghiên cứu của Dự án: “Chợ và những người buôn bán nhỏ trong nền kinh tế chuyển đổi ở Việt Nam”, do nhóm các nhà nghiên cứu của Viện Nhân học xã hội thuộc Viện Max Planck phối hợp với Viện Dân tộc học thực hiện từ năm 2012 đến năm 2013. Những ý kiến của Giáo sư Chris Hann chủ yếu dựa trên kinh nghiệm nghiên cứu về nhân học kinh tế ở Hungari và các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (cũ), song cũng có ý nghĩa gợi mở cho một số vấn đề ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Dân tộc học trân trọng giới thiệu bài viết này với bạn đọc và mong nhận được các ý kiến trao đổi.

1. Giới thiệu: thị trường và Nhà nước, sự phi chí nh thức và quà tặng

Mặc dù các hệ tư tưởng kinh tế mạnh đều có khuynh hướng nhấn mạnh vào cái này hay cái khác nhưng các học giả đã đi đến thừa nhận “thị trường” và “nhà nước” như là những mặt bổ sung cho nhau của tất cả các nền kinh tế - hai mặt của cùng một đồng xu (Hart, 1986). Chủ nghĩa tư bản công nghiệp nhấn mạnh vào thị trường, nhưng với sự nổi lên và tái sản xuất của các hệ thống được điều khiển bởi thị trường, Nhà nước không kém phần quan trọng. Công nghiệp

hóa xã hội chủ nghĩa nhấn mạnh những sự phân phối lại thông qua việc lập kế hoạch hóa tập trung nhưng không có nhà nước xã hội chủ nghĩa nào loại bỏ hoàn toàn các thị trường và tiền tệ. Theo các tiêu chí của kinh tế học tân cổ điển chí nh thông, những sự phối hợp xã hội chủ nghĩa là ít chiệu quả. Những sự thiếu hiệu quả này, tất nhiên, đã mở ra các khoảng trống cho “khu vực phi chí nh thức” có những dạng thức khác với khu vực tương tự trong các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa (xem Guha-Khasnabis, Kanbur và Ostrom, 2006). Các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cũng có thể phô bày những

kiểu khác nhau trong lĩnh vực giao dịch được các nhà nhân học phân loại chung là quà tặng (Mauss, 1925). Mauss nhấn mạnh bản chất bắt buộc của việc trao, nhận và hoàn trả những khoản phí chung trong các giai đoạn sớm hơn của sự tiến hóa nhân loại. Ý tưởng tặng quà không vụ lợi giữa các cá nhân là những dạng ý tưởng gần đây và hiện đại về quà tặng như của nhà nước phúc lợi tự do có thể che đậy các hình thức bất bình đẳng mới.

Nếu các nhà kinh tế học là những chuyên gia đầu tiên đề cập tới các thị trường và các nhà khoa học chính trị đóng vai trò tương tự khi vai trò này thuộc về Nhà nước, việc tặng quà và khu vực phi chính thức là đi a hạt riêng của nhà nhân học kinh tế. Trên thực tế, các lĩnh vực này dường như luôn xoắn kết với nhau¹. Vì vậy, nhà nhân học quan tâm tới sự phi chính thức và việc tặng quà buộc phải chú ý tới phạm vi của các thị trường hợp pháp chính thống nhiều hơn cũng như tới bản chất của Nhà nước. Với sự tiến triển lịch sử lâu dài, mối quan hệ của các yếu tố cơ bản này đã thay đổi nhiều. Quà tặng đã có vai trò rõ ràng trong thực tiễn ở các nước tiền công nghiệp châu Âu. Nó trở nên nổi bật trong triết học chính trị và kinh tế của các nhà tư tưởng như Thomas Hobbes và Adam Smith trước khi bị những người ủng hộ bộ máy quan liêu hợp lý và thương mại tự do ở thế kỷ XIX gắn cho nhãn hiệu là sự bảo trợ và tống tiền. Kết quả là, quà tặng đã bị những nhà khai sáng ra các khoa học xã hội như Karl Marx và Émile Durkheim xem nhẹ. Ý nghĩa phổ quát của nó cùng với Nhà nước và thị trường đã được các nhà nhân học đầu thế kỷ XX phát hiện lại ở những địa điểm bên ngoài (Liebersohn, 2011).

¹ Với phần giới thiệu chung về phân ngành nhân học kinh tế, xem Hann và Hart, 2011.

Không phải các nền kinh tế tư bản và bị thống trị bởi thị trường và cũng chẳng phải những nền kinh tế ngoại lai cổ xưa mà các nền kinh tế công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thế kỷ XX đã đặt ra sự thách thức đối với những lý luận đã hình thành về sự phi chính thức và tặng quà. Mô hình có ảnh hưởng nhất của một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chung là mô hình của sự thiếu thốn do nhà kinh tế học Hungari János Kornai (1980) nêu ra. Kornai (sinh năm 1928) là nhà phê bình có ảnh hưởng về tất cả các biến thể của chủ nghĩa xã hội kể cả mô hình giải tập trung được đề cao ở Hungari từ những năm 1960. Phê phán của ông dựa trên những tiền đề của chủ nghĩa tự do kinh tế phương Tây và được sử dụng hạn chế trong các so sánh nhân học. Một cách tiếp cận thay thế nhằm xem “các nền kinh tế nhân văn” thường ngày của chủ nghĩa xã hội (Polanyi, 1977; Hart, Laville và Cattani, 2010; Graeber, 2011) như là những hình thức riêng của trao đổi thị trường, quyền lực nhà nước (kể cả những quyền lực quan trọng để phân phối lại thu nhập), sự phi chính thức và quà tặng. Cũng như dưới chủ nghĩa tư bản, dưới chủ nghĩa xã hội, một quà tặng đôi khi tương đương với một cửa đút lót, một sự trao đổi hoàn toàn thực dụng để đạt được những mục đích mà không có thể dễ dàng đạt được bằng các phương tiện khác. Ngay cả trong trường hợp này, sự trao đổi thường đòi hỏi phải có tri thức địa phương tinh tế. Nhưng các quà tặng xã hội chủ nghĩa cũng có thể là những dấu hiệu của những mối quan hệ sâu sắc hơn, tình bạn và những phẩm chất xã hội không thấy có ở trong các xã hội được điều khiển bởi thị trường, mà ít nhất là trong các hệ tư tưởng của chúng, các xã hội này đã hạn chế quà tặng trong phạm vi tư sản tư

nhân. Những chức năng trên của quà tặng dễ thấy hơn trong các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nơi các hàng hóa tiêu dùng không được cung cấp đầy đủ và đa số người dân phải phụ thuộc nhiều vào các mạng của họ, bao gồm cả sự bảo trợ của các quan chức. Với biến thể chủ nghĩa xã hội của Hungari khi tôi bắt đầu tiến hành điền dã vào những năm 1970, không cần thiết phải biểu quà để được tiếp cận với hàng hóa hoặc để có được sự đồng ý của một quan chức vì thủ tục quan liêu. Trái lại, tôi thấy ở chủ nghĩa xã hội khác thường của Ba Lan cùng thời lại thường cần phải bôi trơn các trao đổi xã hội đủ loại bằng quà tặng, nhất là bằng Vodka (Hann, sách sắp xuất bản). Alena Ledeneva (1998) đã đưa ra một phân tích tổng hợp nhất về việc làm thế nào mà “nền kinh tế của những thiên vị” phức tạp lại phát triển ở Liên Xô vào kỷ nguyên này.

Nếu chỉ vì có nhiều biến thể khác nhau của chủ nghĩa xã hội, chúng ta không nên cường điệu một “con người xã hội chủ nghĩa” riêng khác hẳn với chủ nghĩa tư bản phương Tây. Đối với nhiều người dân ở các nước thuộc khối Xô Viết, việc tặng quà trên thực tế có liên quan tới sự khan hiếm về vật chất, những sự lệ thuộc không mong muốn và thậm chí cả tình trạng bị làm nhục. Đầu vậy, người ta cũng thu thập được đủ những tài liệu chứng tỏ rằng hàng triệu người cảm thấy hết sức luyến tiếc quá khứ các nền kinh tế nhân văn xã hội chủ nghĩa mà họ đã mất kể cả những mối quan hệ thoải mái dễ chịu của tập đoàn sản xuất mà trong đó sự tương trợ chân thành thắng thế các chiến lược tối đa hóa của các cá nhân (Müller, 2007; Todorova và Gille, 2010). Những hình thể xã hội chủ nghĩa này, giống như tất cả các dạng quà tặng khác, chứa đầy sự mâu thuẫn trong tư tưởng.

Ở đây, tôi không dành chỗ để khảo sát tỉ mỉ những mâu thuẫn trong tư tưởng của sự phi chí nh thức và quà tặng với bất cứ chiều sâu dân tộc học nào. Tôi tự giới hạn vào một số vấn đề rất chung về sự kết hợp giữa các nguyên tắc của Nhà nước và trao đổi thị trường trong cái được gọi chung bằng thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội thị trường, con đường mà Việt Nam đã tiếp thu từ đầu thời kỳ cải tổ vào năm 1986. Trong bối cảnh này, Việt Nam thường được so sánh với Trung Quốc và vì lý do chí nh đáng. Song, tôi muốn thử làm những so sánh với Hungari, người đi tiên phong trên con đường chủ nghĩa xã hội thị trường từ những năm 1960².

2. Chủ nghĩa xã hội thị trường ở Hungari sau năm 1968

Hungari là một nước được bao quanh bởi đất liền ở Trung Âu có dân số chưa tới 10 triệu người. Làm sao có thể đưa nước này vào một khung so sánh với một nước lớn hơn nhiều ở Đông Nam Á đã trải qua một lịch sử hoàn toàn khác được? Chủ nghĩa xã hội thị trường của Hungari được khởi đầu vào những năm 1960 và kết thúc vào cuối những năm 1980 trong khi việc thực nghiệm ở Việt Nam bắt đầu vào năm 1986 và tiếp tục cho tới nay. Những sự khác biệt như vậy tất sẽ hạn chế các kết luận chí nh xác nhưng không làm mất đi giá trị so sánh và việc đặt vấn đề liệu kinh nghiệm của Hungari có làm sáng tỏ

² Tôi tiến hành nghiên cứu điền dã cho luận án tiến sĩ vào năm 1976-1977 tại một làng ở Great Plain được chọn làm thí dụ cho chủ nghĩa xã hội thị trường này. Thay vì mô hình nông trang tập thể Xô Viết (*kolkhoz*), làng này có một hình thức hợp tác hết sức linh hoạt cho phép những người nông dân tiếp tục làm việc với tư cách là những đơn vị hộ gia đình và lập kế hoạch cho đầu ra sản phẩm của mình theo những tín hiệu của thị trường (Hann, 1980).

một phần nào đó những thế tiến thoái lưỡng nan mà Việt Nam hiện đang phải đối mặt.

Tới tận cuối Đế chế Habsburg vào năm 1918, Hungari chia sẻ quyền lực hoàng đế trong vùng với Áo. Tuy nhiên, sau Thế chiến II, nhiều người Hungari đã trải qua tình trạng bị lệ thuộc vào Moscow như là một dạng thực dân hóa mới. Những người theo chủ nghĩa xã hội đã độc quyền nắm quyền lực chính trị ở Budapest vào năm 1948-1949, ngay khi bắt đầu Chiến tranh Lạnh. Vào năm 1956, đã diễn ra cuộc nổi dậy trên toàn quốc (hiện nay chính thức được gọi là một cuộc cách mạng). Sau khi cuộc nổi dậy này bị quân đội Xô Viết trấn áp, Đảng Cộng sản dưới quyền người lãnh đạo mới của mình là János Kádár đã củng cố chính quyền một cách thận trọng trong một thập kỷ. Bước đi quan trọng nhất trong chính sách kinh tế là việc giới thiệu một *Cơ chế Kinh tế mới* vào ngày 1 tháng 1 năm 1968. Đây là một sự phản ứng lại những chỉ trích về sự tập trung hóa quá mức của János Kornai và nhiều nhà kinh tế học khác (Bockman, 2011). Chính phủ đã đưa ra một biện pháp giải tập trung lớn, điều chỉnh vai trò truyền thống của những người lập kế hoạch xã hội chủ nghĩa ở trung ương. Trước thời gian tôi tham dự Hội đại học Mùa hè tại Đại học Kinh tế Karl Marx ở Budapest vào năm 1974, việc mở cửa thị trường đã đạt được sự tiến bộ đáng kể.

Để tôi chỉ ra điều này có ý nghĩa như thế nào đối với những người dân bình

³ Tôi không phải là người đầu tiên làm những so sánh như vậy. Các nghiên cứu có giá trị về “việc lập lại những thiết chế kinh tế của chủ nghĩa xã hội” đã được Victor Nee và David Stark (1989) tiên hành. Đồng thời xem nhiều ấn phẩm có liên quan của Ivan Szelenyi (cụ thể là Szelenyi, 1988).

thường trong nền kinh tế nhân văn xã hội chủ nghĩa. Một trong những từ đầu tiên của tiếng Hungari mà tôi học là từ tiền đúc gần đây và vẫn chưa thấy xuất hiện trong các từ điển. *Maszek* được hình thành bằng sự kết hợp của các từ *magány szektor*, có nghĩa là khu vực tư nhân. Mỗi *Maszek* là một chủ cửa hiệu hay người buôn bán thí nghiệm hoạt động độc lập hơn là trong ranh giới của một xí nghiệp nhà nước hay hợp tác xã. Vào giữa những năm 1970, doanh nghiệp quy mô nhỏ như vậy đã được thành lập. *Maszek* bắt buộc phải đăng ký với nhà nước địa phương và nộp thuế. Anh ta được nhiều người ngưỡng mộ vì sự cống hiến và chất lượng dịch vụ cao hơn của mình. Tuy nhiên, thuật ngữ đã phát triển một loạt những nghĩa rộng hơn. Khi tôi có một số việc cần làm trên xe của mình, bạn bè khuyên tôi không nên quay về xí nghiệp lớn của Nhà nước có các dịch vụ đang cần, mà thay vì điều đó, nên tìm một người làm công lành nghề có thể làm công việc một cách rẻ hơn và đạt tới một chuẩn cao hơn tại gara tư nhân nhỏ của anh ta vào cuối tuần. Một số những hoạt động phụ này được đăng ký theo cách tương tự như các doanh nghiệp hoạt động đủ thời gian, nhưng nhiều người *maszekolt* (“làm đêm ngoài giờ”) theo cách này đã làm như vậy một cách phi pháp. Vì vậy, thuật ngữ có những nghĩa tiêu cực đối với những ai không thí nghiệm mở rộng những sự chênh lệch về thu nhập (những thu nhập cao hơn mà *maszek* thành đạt kiếm được bằng những dịch vụ mà nhiều người khác không thể cung cấp được). Điều được người ta hiểu gần như bất biến là *maszek* kỳ vọng được trả bằng tiền mặt cho những dịch vụ của mình. Sự mở rộng khu vực không chính thức, được biết tới trong tiếng Hungari là “nền kinh tế thứ hai”

(Hann, 1990), hoạt động song song với sự teo đi của các hình thức trao đổi quà tặng “dày” truyền thống. Các nhà chuyên môn, đáng chú ý là các bác sĩ, mà tiền thù lao của họ chỉ hình thức được điều chỉnh bởi Nhà nước cũng có thể lợi dụng môi trường kinh tế mới. Về mặt lý thuyết, ý tế là không mất tiền nhưng để đảm bảo có được một sự quan tâm tốt nhất, điều được xem như cần thiết là phải đưa phong bì đựng tiền mặt được mô tả nhiều với cách nói lệch đi là “tiền trả ơn” (*hálapénz*) cho bác sĩ. Liệu ở nơi làm việc chính thức tại bệnh viện hay ở những bệnh xá tư nhân đang nảy nở, các bác sĩ có thích nhận việc trả tiền mặt hơn hay không như đã phổ biến trong quá khứ là các quà tặng bằng hiện vật. Các nhà phê bình lý luận rằng những cải cách bắt đầu vào năm 1968 đã mở ra một vùng xám rộng lớn và tạo ra những mối nguy mới về đạo đức. Người ta khẳng định chúng khuyến khích những người làm việc trong nền kinh tế có kế hoạch chiếm đoạt hàng hóa và công cụ từ các hợp tác xã và Nhà nước để làm lợi riêng.

Bất chấp những lời chỉ trích này, Hungari vẫn tiếp tục theo con đường giải tập trung hóa chỉ với những dao động nhỏ cho mãi tới khi chấm dứt sự cầm quyền của một đảng vào năm 1990. Phạm vi cho doanh nghiệp tư nhân đã tăng lên một cách nhanh chóng. Trong khi đồng forin của Hungari không thể chuyển đổi sang tiền Tây Âu, thị trường chợ đen là vô nghĩa so với các nước khác trong khối xã hội chủ nghĩa; bạn có thể mua hầu hết tất cả mọi thứ bằng đồng forin. Dẫu vậy, cả trong công nghiệp và nông nghiệp, “những đỉnh cao uy nghi” của nền kinh tế vẫn nằm dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Một số nhà kinh tế học cho rằng nhà nước xã hội chủ nghĩa quá chậm chạp trong

việc theo đuổi cải cách và rằng đây là nguyên nhân chính làm cho nợ nước ngoài cao mà Hungari đã để tồn đọng vào những năm 1980 như là hậu quả của các chính sách khuyến khích thương mại quốc tế. János Kornai trở lại quan điểm cho rằng sự mô hình hóa các thị trường dưới một chế độ xã hội chủ nghĩa là mâu thuẫn về bản chất. Ông kết luận theo kiểu Trường phái Áo của Friedrich Hayek bằng việc nhấn mạnh vào các thị trường tự do và sự chuyển giao các quyền tài sản cá nhân (Kornai, 2007).

Sự phát triển tư tưởng của Kornai có thể so sánh và đối chiếu với tư tưởng của nhà kinh tế học Hungari khác hay đúng hơn là nhà sử học kinh tế đã có nhiều ảnh hưởng trong nhân học kinh tế. Cách tiếp cận và những quan niệm của Karl Polanyi (1886-1964) để lộ một triển vọng được đồng tình hơn về con đường những năm 1970 và 1980 của Hungari và về chủ nghĩa xã hội thị trường nói chung. Trong công trình chính *Sự chuyển đổi vĩ đại* (1944), Polanyi đã dựa vào bằng chứng của những người nghiên cứu điền dã nhân học (như Malinowski) để phân biệt bốn nguyên tắc riêng mà trên đại thể có thể áp dụng được cho việc phân tích tất cả các nền kinh tế nhân văn về thời gian và không gian. Sau này, được gọi bằng thuật ngữ “các hình thức liên kết” và chúng trở nên quen thuộc với tất cả sinh viên nhân học kinh tế thông qua những đóng góp có ảnh hưởng sâu sắc của Polanyi vào phân ngành này (xem Polanyi, 1968). Bốn hình thức liên kết là tương trợ, phân phối lại, hộ gia đình và trao đổi thị trường. Tôi sẽ phác họa chúng một cách ngắn gọn như sau:

Tương trợ có lẽ là mang tính phức tạp và khó nắm bắt nhất. Trong những công thức gốc của Polanyi, nó chỉ những trao đổi cân

bằng trong các xã hội “nguyên thủy” chưa có nhà nước trung ương. Tuy nhiên, hình thức liên kết này là chủ đề của sự so sánh tỉ mỉ muộn hơn nhiều về sau này [Sahlins (1974) có lẽ là người được biết đến nhiều nhất]. Điều được một số học giả hiện nay hiểu như là phản đề của thuyết nhất thể tự do (mới): cụ thể, đối với các nhà kinh tế học không chính thống ở Pháp, sự tương trợ chỉ sự hỗ trợ và *liên kết kinh tế* (Servet, 2013). *Phân phối lại* phụ thuộc vào một số loại trung tâm chính trị. Hình thức liên kết này kéo dài từ các chức thủ lĩnh đơn giản tới những cơ chế phức tạp mà thông qua đó, các nhà nước hiện đại cung cấp giáo dục, phúc lợi và hàng loạt các dịch vụ khác cho những người dân của mình. Hộ gia đình chỉ nhóm gia đình. Polanyi nhận rõ rằng đối với phần lớn lịch sử ghi chép được, hộ gia đình là một đơn vị sản xuất cũng như đơn vị tiêu dùng. Điều này vẫn đúng trong phần lớn khu vực không chính thức ở thành thị cũng như ở vùng nông thôn. Các học giả theo thuyết nam nữ bình quyền đặc biệt tích cực trong việc mở “hộp đen” hộ gia đình để khám phá những mối quan hệ gia trưởng của nó. Tuy nhiên, Polanyi đã gạt hộ gia đình ra khỏi loại hình học của ông trong trình bày sau này. Ông chủ yếu chú trọng tới sự thống trị của hình thức liên kết thị trường trong các xã hội công nghiệp hiện đại mà ông tin là không có tiền lệ trong lịch sử nhân loại. Các thị trường tồn tại như là những phương tiện để

phân phối hàng hóa trong các nền kinh tế trước đây, nhưng sự nổi lên của thương mại tự do vào thế kỷ XIX được thúc đẩy trước hết bởi Anh, đã mang lại một cái gì mới về chất, cụ thể là sự cắt đứt mối quan hệ của kinh tế với cơ cấu chính trị-xã hội mà trong đó trước đây nó đã được gắn vào. Theo phân tích của Polanyi, việc cố gắng quy xã hội về các nguyên tắc của thị trường chỉ có thể thực hiện được thông qua các thiết chế của một chính quyền nhà nước tự do nhất định. Nhưng việc này nhất định thất bại vì xã hội ắt sẽ nổi dậy chống lại việc xử lý đất đai và lao động như là “những hàng hóa tương tượng”. Xã hội tìm cách tự bảo vệ mình khỏi lô-gíc của thị trường, cái đã dẫn tới sự xung đột giữa tư bản và lao động, và cuối cùng tới chủ nghĩa phát xít và các cuộc Chiến tranh Thế giới lớn ở thế kỷ XX.

Không ngạc nhiên là lời chẩn đoán chán chường của Polanyi về một nền kinh tế “bị tách rời” khỏi xã hội thông qua sự ủy thác không tương cho thị trường tự do đã thu hút được sự chú ý lại ở thời chủ nghĩa tự do mới hiện nay. Nó cũng làm nổi lên rất nhiều tranh luận. Các nhà phê bình đã chỉ ra rằng những nhân tố văn hóa - xã hội tiếp tục định dạng ngay cả những khu vực thương mại và tài chính tiên tiến nhất của chủ nghĩa tư bản thế giới hiện đại. Phép ẩn dụ của sự tách rời gây thiệt hại về xã hội có thể vẫn tồn tại nếu nó được hiểu không phải trong khuôn khổ sự gắn bó chống lại thị trường một cách lảng mạn, mà như là sự theo đuổi quá mức một trong số các hình thức liên kết để không chú ý đến tất cả những hình thức khác. Theo cách hiểu này, sự tách rời tư bản chủ nghĩa là thiên về thị trường. Nhưng chúng ta cũng có thể xác định một sự tách rời xã hội chủ

⁴ Lập trường này có thể hiểu được dưới ánh sáng của những sự đổ vỡ mà ông đã trải nghiệm trong đời (Polanyi đã ba lần là người tị nạn trước khi dừng lại ở Canada, nơi ông qua đời vào năm 1964, một vài năm trước khi giới thiệu Cơ chế Kinh tế mới ở xứ sở của ông). Xem Dale (2010) để biết thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Polanyi.

nghĩa tương tự về kinh tế mà trong đó sự thiên lệch là về việc phân phối lại tập trung hóa. Tôi đã chỉ ra rằng dưới thời Mao, Trung Quốc là một ví dụ cho hình thức tách rời được điều khiển bằng chính trị này và rằng kỷ nguyên cải cách bắt đầu ở Trung Quốc vào năm 1978 thể hiện một sự tổ chức lại lành mạnh hơn bốn hình thức liên kết. Trong khi ở Hungari vào những năm 1970, tôi vẫn biết được dân làng ở Tân Cương tiếp tục thực hiện các hình thức tương trợ truyền thống, cụ thể là trợ giúp nhau để xây dựng nhà cửa, trong khi đó, đồng thời họ lại kéo được về ngày càng tăng những phúc lợi từ sự phân phối lại theo thống kê, cụ thể là giáo dục, y tế và trợ cấp tuổi già. Hộ gia đình vẫn là yếu tố cơ bản của sản xuất nông nghiệp, tiếp sau sự tan rã của các công xã và tập đoàn sản xuất. Hình thức liên kết thị trường có được sức mạnh một cách rõ ràng trong đa số các lĩnh vực, nhất là tiêu dùng cá nhân, nhưng nó không chiếm được ưu thế vượt trội bởi những ngành kinh tế đi lên cao vẫn bị kiểm soát chặt chẽ bởi tổ chức nhà nước, cụ thể là nhà nước một đảng (Hann, 2009). Sự cân bằng này có quan hệ với điều mà tôi biết ở Hungari vào những năm 1970. Tất nhiên, không có những căng thẳng và sự mâu thuẫn trong tư tưởng, kể cả những cái gây áp lực lên các lĩnh vực tặng quà và ranh giới mờ hồ giữa các phân đoạn “xám” và “đen” rõ ràng (cụ thể là phi pháp) của khu vực không chính thức. Nhưng sau khi cân nhắc kỹ, sự kết hợp bốn hình thức liên kết trên đối với tôi dường như có vẻ thích hợp hơn so với cả đặc điểm bó hẹp trong chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa vào những năm 1950 lẫn bó hẹp trong kinh tế của chủ nghĩa tư bản tự do mới từ những năm 1980.

3. Những điều gọi mở

Thực nghiệm của Hungari với chủ nghĩa xã hội thị trường đã chấm dứt không phải do những sự phát triển nội sinh mà bên ngoài - không phải do mức độ nợ phương Tây (dẫu nó đã tăng lên vào những năm 1980) mà do sự sụp đổ của chính quyền xã hội chủ nghĩa ở phương Đông. Trong các cuộc bầu cử tự do năm 1990, *Điển đàn Dân chủ Hungari* đối lập đã giành thắng lợi, một kết quả có thể giải thích được trên một mức độ lớn nhờ nhân tố quốc gia (Đảng cộng sản trước đây giờ đổi tên thành Đảng Xã hội chủ nghĩa Hungari gắn hết sức chặt với quyền lãnh đạo của Nga). Tuy nhiên, tôi hiểu chiến thắng của những người theo chủ nghĩa xã hội vào năm 1994, 2002 và 2006 như là bằng chứng để định lượng trên thực tế sự ủng hộ của dân chúng đối với quá trình mà các nhà cải cách theo đuổi dưới thời János Kádár từ năm 1968 trở đi. Nếu những người theo chủ nghĩa xã hội gặp khó khăn trong những cuộc bầu cử gần đây vào năm 2010 và năm 2014, thì ít nhất điều này được giải thích một phần bởi sự kiện là các chính phủ do những người theo chủ nghĩa xã hội lãnh đạo vào những năm 1990 và nhất là giữa năm 2006 và năm 2010 đã phá bỏ những nguyên tắc đã xác lập của chủ nghĩa xã hội thị trường và trở thành những công cụ tham nhũng nhiều nhất của chủ nghĩa tư bản tự do mới.

Tham nhũng chưa được nói tới trong các tài liệu của Karl Polanyi và cho tới giờ tôi vẫn né tránh nó trong bài viết này. Thông thường, thuật ngữ trên được sử dụng ở phương Tây để nhĩa những người nắm giữ quyền lực trong các nhà nước thiếu đa nguyên về chính trị và thiếu những nền kinh

tế “thị trường tự do”, trong khi bỏ qua sự thật là chính những nguy cơ về đạo đức tương tự đang tồn tại trong các nền dân chủ tư bản chủ nghĩa ở nửa tối của các cơ quan vận động ở hành lang nghị viện và bộ đầu kinh tế của Chính phủ. Dầu vậy, nó không giúp ích nếu các nhà nhân học phân loại sự đứt lốt và tham nhũng như là sự tiếp nối của các hình thức trao đổi quà tặng mang đặc tính văn hóa. Tôi đã thấy ở Hungari đại đa số người dân thích chơi bằng những luật lệ trong sáng hơn. Nhưng hơn hai thập kỷ kể từ sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội, Chính phủ ở Budapest, dưới áp lực từ các quan chức của Liên minh châu Âu ở Brussels, vẫn đấu tranh để thiết lập một sự kiểm soát nhiều hơn đối với các hoạt động của khu vực không chính thức (trên đại thể, hiện được gọi bằng thuật ngữ “nền kinh tế bóng”). Đôi khi người ta lý luận rằng Hungari đã trải qua những năm “chuyển tiếp” với ít sự hỗn độn hơn so với các nước thuộc Liên Xô cũ và những láng giềng khác nhờ sự kiện là người dân đã hoàn toàn quen với các thị trường. Nhiều chủ doanh nghiệp tư nhân khởi nghiệp như là những *maszek* bình thường nhất đã được đầu tư tốt để tranh thủ những nguyên tắc tư nhân hóa của những năm 1990. Mặt khác, sự chi ụ đưng hàng thập kỷ thị trường xã hội chủ nghĩa có thể đã đem lại những thói quen xấu, chẳng hạn, trong việc trốn thuế mà hiện đang làm phức tạp nhiệm vụ xây dựng một nhà nước hậu xã hội chủ nghĩa hùng mạnh và trong sạch hơn.

Những vấn đề trên vẫn đang còn được các chuyên gia thuộc nhiều ngành khoa học cũng như bản thân người dân tranh luận. Nhiều vấn đề lớn còn lại chưa giải quyết được dưới chủ nghĩa xã hội thị trường của Hungari. Dễ dàng có thể phê phán những sự

thỏa hiệp ví dụ như trong lĩnh vực y tế. Lần đầu tiên, chủ nghĩa xã hội cung cấp cho hàng triệu người dân sự tiếp cận miễn phí dịch vụ y tế quốc gia. Nhưng nhà nước xã hội chủ nghĩa không có những nguồn để chi trả cho người làm việc trong lĩnh vực y tế của mình ở các mức như của phương Tây. Các bác sĩ và bệnh nhân đồng ý ngầm rằng cần phải trả các khoản tiền thưởng như đã đề cập ở trên. János Kornai đã biết hết sức rõ về vấn đề “tiền trả ơn” và lý luận rằng việc nâng cao các mức thu nhập sẽ tạo ra giải pháp. Các loại lương đã tăng lên vào những năm 1990 nhưng thói quen cho tới nay vẫn chưa giảm. Hiện những tranh luận về kinh tế thậm chí còn có sức mạnh lớn hơn vì các cán bộ y tế có chuyên môn giỏi của Hungari bị hấp dẫn bởi những người chủ khác ở khắp châu Âu nơi các mức lương điển hình là cao hơn nhiều. Vì vậy, trong thời đại của chủ nghĩa tự do mới, như trong những năm đầu của chủ nghĩa xã hội thị trường, các cuộc tranh cãi vẫn tiếp diễn về những hạn chế của thị trường và những hệ lụy đối với sự công bằng xã hội. Hàng triệu thường dân Hungari phản ứng lại một cách tiêu cực đối với phim chụp mà hiện đòi hỏi mỗi người phải trả thuế cá nhân: tại sao một người dân quê lại phải công bố nguồn thu nhập nông nghiệp phụ rất nhỏ kiếm được thông qua lao động vất vả của hộ gia đình trong khi họ lại thấy có quá nhiều bằng chứng về sự lạm dụng lớn về kinh tế của những người có quyền thế mới nổi lên trong số họ ở cả các khu vực tư nhân và công cộng?

Vấn đề hết sức cơ bản có thể nêu lên như là một trong số sự tương trợ theo nghĩa hỗ trợ và bình đẳng. Có thể chấp nhận được tới mức nào sự bất bình đẳng trong một xã hội tự xưng là xã hội chủ nghĩa? Để bắt đầu

trả lời cho một câu hỏi như vậy, chúng ta cần phá bỏ quan niệm về sự bất bì nh đẳng xã hội. Liên quan tới những khác biệt về giới trong các hộ gia đình và cả những khác biệt nông thôn - thành thị, tôi có cảm tưởng rằng nhà nước Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đạt được sự tiến bộ đáng kể so với sự tiến bộ ở các nước Xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa khác (dẫu chẳng có gì là hoàn hảo và không có những cơ sở cho sự tự mãn). Nhưng thách thức lớn nhất rõ ràng là về những sự khác biệt “giai cấp” mới. Tôi thấy nhiều dấu hiệu của sự nổi lên của các giai cấp mới qua công việc của tôi ở Trung Quốc, nơi những sự gia tăng về các hệ số *gini* đo sự bất bì nh đẳng là bất bì nh thường. Những người có lý tưởng xã hội chủ nghĩa chắc chắn sẽ mất hết sự tín nhiệm về đạo đức nếu điều rõ ràng là giàu có và quyền lực có thể chiếm được những lợi thế cơ bản cho con cháu của họ và hạn chế được tính năng động của những người khác.

Nếu đây là “vấn đề lớn” cuối cùng của chủ nghĩa xã hội thị trường, tôi kết luận bằng cách nhấn mạnh lại rằng sự thử nghiệm của Hungari đã chấm dứt trước khi nó có thể đưa ra được một lời giải đáp. Tôi nghĩ rằng Karl Polanyi ắt sẽ cảm thấy thoải mái với sự thực hiện những Cơ chế Kinh tế mới hơn là với hai thập kỷ cuối của chủ nghĩa tư bản tự do mới không bị cản trở ở quê hương ông. Thử nghiệm của Việt Nam, giống như của Trung Quốc thời hậu Mao, đã kéo dài hơn so với thử nghiệm bị cắt ngắn của Hungari. Các nhà nhân học kinh tế đồng tình với cách tiếp cận của Polanyi và e ngại về những điều không tưởng của thị trường mới do những người theo chủ nghĩa tự do mới (kể cả những người kiểm soát các chính sách kinh tế của Liên minh Châu Âu) đưa ra sẽ tiếp tục

theo sát những thực nghiệm lý thú trên ở Đông Á với sự cảm thông và hy vọng.

Nguyễn Văn Thắng dịch

Trần Hồng Hạnh hiệu đính

Tài liệu tham khảo

1. Bockman, Johanna (2011), *Markets in the Name of Socialism: The left-wing origins of neoliberalism*, Stanford University Press, Stanford.
2. Dale, Gareth (2010), *Karl Polanyi: The limits of the market*, Polity, Cambridge.
3. Graeber, David (2011), *Debt: the first 5000 years*, Melville House, New York.
4. Guha-Khasnobis Basudeb, Ravi Kanbur và Elinor Ostrom (eds.) (2006), *Linking the Formal and Informal Economy: Concepts and policies*, Oxford University Press, Oxford.
5. Hann, Chris (1980), *Tázlár: a village in Hungary*, Cambridge University Press, Cambridge.
6. Hann, Chris (1990), “Second economy and civil society”, *Journal of Communist Studies*, 6 (2), Pp. 21-44.
7. Hann, Chris (2009), “Embedded socialism? Land, labour, and money in eastern Xinjiang”, In: Chris Hann and Keith Hart (eds.), *Market and Society: The Great Transformation revisited*, Cambridge University Press, Cambridge, Pp. 256-71.
8. Hann, Chris (2014), “The Economistic Fallacy and Forms of Integration in rural Hungary under and after Socialism”, *Economy and Society* 43 (3), Pp. 1-24.
9. Hann, Chris (Forthcoming), “The human economy of *pálinka* in Hungary: a

- case-study in *longue durée* lubrication”, In: David Henig and Nicolette Makovicky (eds.), *The Economy of Favours after Socialism*, Oxford University Press, Oxford.
10. Hann, Chris và Keith Hart (2011), *Economic Anthropology: History, ethnography, critique*, Polity Press, Cambridge.
11. Hart, Keith (1986), “Heads or tails? two sides of the coin”, *Man* 21 (4), Pp. 637-656.
12. Hart, Keith, Jean-Louis Laville và Antonio David Cattani (2010), *The Human Economy: a citizen's guide*, Polity, Cambridge.
13. Kornai, János (1980), *Economics of Shortage*, North-Holland, Amsterdam.
14. Kornai, János (2007), *By Force of Thought: Irregular memoirs of an intellectual journey*, MIT Press, Cambridge, MA.
15. Ledeneva, Alena (1998), *Russia's Economy of Favours: Blat, networking and informal exchange*, Cambridge University Press, Cambridge.
16. Liebersohn, Harry (2011), *The Return of the Gift: European history of a global idea*, Cambridge University Press, Cambridge.
17. Mauss, Marcel (1990) [1925], *The Gift: forms and functions of exchange in Archaic societies*, Routledge, London.
18. Müller, Birgit (2007), *Disenchantment with Market Economics. East Germans and Western capitalism*, Berghahn, New York.
19. Nee, Victor và David Stark (eds.) (1989), *Remaking the Economic Institutions of Socialism: China and Eastern Europe*, Stanford University Press, Stanford.
20. Nelson, Richard (2011), “The complex economic organization of capitalist economies”, *Capitalism and Society* 6 (1), Article 2.
21. Polanyi, Karl (1944), *The Great Transformation. The political and economic origins of our times*, Beacon, Boston, MA.
22. Polanyi, Karl (1968), *Primitive, Archaic and Modern Economies*, Essays of Karl Polanyi, Ed. by George Dalton, Anchor Books, New York.
23. Polanyi, Karl (1977), *The Livelihood of Man*, Academic Press, New York.
24. Sahlins, Marshall D. (1974), *Stone Age Economics*, Tavistock, London.
25. Servet, Jean-Michel (2013), “Le principe de la réciprocité aujourd’hui. Un concept pour comprendre et construire l’économie solidaire”, In : Isabelle Hillenkamp & Jean-Louis 26. 26. Laville (eds.), *Socioéconomie et démocratie. L’actualité de Karl Polanyi*, érès, Toulouse, Pp. 187-213.
27. Szelenyi, Ivan (1988), *Socialist Entrepreneurs: Embourgeoisement in Rural Hungary*, Polity, Cambridge.
28. Todorova, Maria và Zsuzsa Gille (eds) (2010), *Post-communist Nostalgia*, Berghahn, New York.